

Số: 08/2022/QĐST-DS

Lục Nam, ngày 27 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN B HUYỆN LỤC NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân

Các Hội thẩm nhân B:

1. Ông Nguyễn T Chính

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng B sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án B sự thụ lý số 71/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

- Ông Nguyễn Năng S, sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

Ủy quyền cho anh Nguyễn Năng Y, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ DP A, TT Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

- Bà Vũ Thị C, sinh năm 1958

Ủy quyền cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

Ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Lương, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ Hà Vĩ 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc G1, tỉnh Bắc G1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Năng X, sinh năm 1942

- Bà Hà Thị Sự, sinh năm 1948

- Chị Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1970

- Anh Nguyễn Năng Cảnh, sinh năm 1973

- Anh Nguyễn Văn (Năng) Lan, sinh năm 1978

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989
- Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1980
- Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1981
- Chị Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1999
- Chị Nguyễn Thị Thùy L2, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

- Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C1, xã Y2, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

- Chị Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Trung Hậu, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

Đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1

- Ủy ban nhân B xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1 do bà Nguyễn Thị H2-Cán bộ Địa chính-Xây dựng xã M đại diện theo ủy quyền.

- Ủy ban nhân B huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1 do ông Nguyễn Văn Q2-Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1 đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Văn Q phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tường vảnh lao, cây cối, hoa màu và các tài sản khác nếu có trên diện tích 111,2m² đất, tại thôn H, xã M, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc G1, trả lại lối đi vào thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/07/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00346. Số 2269/QĐ-UBND cho ba hộ gia đình cùng sử dụng chung là ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Năng S, bà Vũ Thị C. Lối đi có các X tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 102, tờ bản đồ số 74 từ điểm 5 đến điểm 9, điểm 24a có cự ly 36,94m; phía Nam đất nhà ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn T3 từ điểm 6, điểm 7, điểm 8 đến điểm 24 có cự ly 36,45m; phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn G1 thôn Trung Hậu, xã M từ điểm 24 đến điểm 24a có cự ly 3m; phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 5 đến điểm 6 có cự ly có cự ly 3m (chiều rộng của lối đi đều rộng 3m).

2.2. Ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị C, ông Nguyễn Năng S phải trả anh Nguyễn Văn Q số tiền là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật B sự năm 2015.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị C, ông Nguyễn Năng S phải chịu 7.000.000đ (bảy triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận số tiền trên ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị C, ông Nguyễn Năng S đã nộp đủ.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị C, ông Nguyễn Năng S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí B sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án B sự thì người được thi hành án B sự, người phải thi hành án B sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án B sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án B sự.
(Kèo theo Quyết định này là sơ đồ lối đi)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân